

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 205/2026/DS-PT
Ngày 10-3-2026
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Định

Các Thẩm phán: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương
Ông Đỗ Cao Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2026/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp Hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 95/2025/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 164/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thùy T, sinh năm 1978; số căn cước công dân: 095178010664 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C cấp ngày 04/5/2023. Địa chỉ: ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thu H, sinh năm 1968; số căn cước công dân: 095168006758 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C cấp ngày 08/12/2021. Địa chỉ: ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau. (Có mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thu H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

– Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 25/7/2023 âm lịch, bà Trần Thu H nhờ bà đứng tên tham gia 03 chung hụi (02 chung 5.000.000 đồng và 01 chung 3.000.000 đồng) do ông Lê Minh H1 làm chủ. Trong đó: có 02 chung hụi 5.000.000 đồng do bà T mua lại của bà H, 01 chung hụi 3.000.000 đồng bà T chơi dùm cho bà H.

Bà H đã hốt cả 03 chung hui này ngay kỳ khai đầu tiên và bà T đã giao tiền trực tiếp cho bà H.

Việc giao nhận tiền được xác lập bằng 02 tờ “Biên nhận giao tiền hui”: Một tờ ngày 25/7/2023 số tiền 48.120.000 đồng và một tờ ngày 02/8/2023 số tiền 159.600.000 đồng.

Do hiện nay 03 chung hui đều đã mãn nhưng bà H không trả tiền. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả 312.000.000 đồng tiền hui (bao gồm cả lãi hui).

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thu H trình bày:*

Bà phủ nhận việc tham gia hui và cho rằng thực chất đây là các khoản vay tiền mặt nhiều lần từ năm 2020 đến năm 2023 với tổng vốn gốc là 200.000.000 đồng. Bà H xác nhận có ký tên vào 02 tờ biên nhận ngày 25/7/2023 và 02/8/2023 nhưng cho rằng bà bị bà T ép buộc ký trong tình trạng sức khỏe rất yếu sau đột quỵ và tinh thần hoảng loạn. Bà cho biết đã đóng lãi cho bà T tổng cộng hơn 300.000.000 đồng với lãi suất rất cao (từ 12% đến 30%/tháng). Bà chỉ đồng ý trả số nợ gốc 200.000.000 đồng và xin được trả dần do hoàn cảnh khó khăn.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2025/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cà Mau đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thùy T, buộc bà Trần Thu H giao trả cho bà Trần Thùy T số tiền vốn 207.720.000 đồng và lãi là 47.505.282 đồng, tổng số tiền 255.225.282 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thùy T, yêu cầu bà Trần Thu H giao trả số tiền 56.774.718 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, bị đơn bà Trần Thu H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng công bằng, bảo vệ chính đáng lợi ích cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Trần Thu H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bà H cho rằng chỉ nợ tiền vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng, không nợ tiền hui nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Đồng thời, đề nghị cho bà được trả dần hàng tháng số tiền vay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2025/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định. Căn cứ Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Xét kháng cáo về tính hợp pháp của các biên nhận giao nhận tiền hối:

Bị đơn kháng cáo cho rằng bà không ký bất kỳ văn bản nào thể hiện “biên nhận tiền hối” đề ngày 25/7/2023 và ngày 02/8/2023 mà bà chỉ thừa nhận có ký vào 01 văn bản do nguyên đơn đưa cho vào ngày 22/8/2023 âm lịch trong tình trạng bị uy hiếp, ép buộc ký, tinh thần hoảng loạn và sức khỏe không đảm bảo. Tuy nhiên, căn cứ Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/11/2025 (bút lục 25), biên bản hòa giải ngày 18/11/2025 (bút lục 32) và biên bản phiên tòa ngày 31/12/2025 (bút lục 46), thể hiện quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà H đều thừa nhận chữ ký trong 02 tờ “biên nhận tiền hối” đề ngày 25/7/2023 và ngày 02/8/2023 là chữ ký của bà.

Mặc dù bà H cho rằng bị ép buộc và ký trong tình trạng không minh mẫn, nhưng trong suốt quá trình tố tụng, bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh có sự cưỡng ép, đe dọa từ phía bà T. Việc bà H nhập viện điều trị bệnh là sự thật, nhưng không đồng nghĩa với việc bà mất năng lực hành vi dân sự tại thời điểm ký kết các biên nhận nêu trên.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ 02 tờ “biên nhận tiền hối” đề ngày 25/7/2023 và ngày 02/8/2023 để xác định thực tế có việc giao dịch hối giữa các bên là phù hợp.

[2.2] Xét kháng cáo về việc yêu cầu xem xét lại tiền lãi đã đóng:

Bà H kháng cáo cho rằng trong bản án sơ thẩm xác định đối với số tiền lãi đã đóng, bà không yêu cầu tính lại là hoàn toàn không chính xác. Bà H đã đóng lãi cho bà T 300.000.000 đồng.

Qua kiểm tra hồ sơ vụ án, cũng tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/11/2025 (bút lục 25), biên bản hòa giải ngày 18/11/2025 (bút lục 32) và biên bản phiên tòa ngày 31/12/2025 (bút lục 46), bà H xác định không có tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc đóng lãi 300.000.000 đồng, đồng thời không yêu cầu tính

lại tiền lãi đã đóng. Do đó, trong bản án sơ thẩm, tại phần nội dung vụ án về lời trình bày của bị đơn thể hiện nội dung: “đối với số tiền lãi đã đóng, bà không yêu cầu tính lại” là đúng với ý kiến trình bày của bà trong quá trình tố tụng.

Xét thấy, bà T không thừa nhận giao dịch vay tiền, không thừa nhận có việc trả tiền lãi, bà H cho rằng đã trả tiền lãi 300.000.000 đồng cho bà T nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

[2.3] Xét kháng cáo về việc cho rằng nguyên đơn có dấu hiệu gian lận khi các thông tin liên quan đến người chủ hội không đúng sự thật, lời khai của nguyên đơn không nhất quán:

Qua kiểm tra và làm việc với nguyên đơn là bà T xác định ông Lê Minh H1 chủ hội ở ấp H, xã Đ, tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cung cấp địa chỉ của ông H1 tại ấp M nên khi Tòa án cấp sơ thẩm xác minh tại ấp M, chính quyền địa phương xác nhận tại địa phương không có người nêu trên. Tại biên bản xác minh ngày 09/3/2026 của Tòa án cấp phúc thẩm, ông Lê Minh H1 xác định có quen biết với cả nguyên đơn và bị đơn, ông H1 xác định ông có làm chủ hội và bà T có chơi 03 chung hội loại 3.000.000 đồng và 5.000.000 đồng như bà T trình bày, hiện nay các chung hội đã mất. Như vậy, thực tế giao dịch hội giữa nguyên đơn và bị đơn có chủ hội là ông H1 đúng như phía nguyên đơn trình bày.

Đối với việc bị đơn cho rằng tại Công an xã L (cũ), nguyên đơn khai số tiền hội 210.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 31/12/2025, nguyên đơn khai số tiền hội 320.000.000 đồng. Xét thấy, số tiền hội giao dịch giữa các bên là 207.000.000 đồng, tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hội 312.000.000 đồng là tiền nguyên đơn yêu cầu tính theo hội chết, do nguyên đơn cho rằng đây hội đã mất nên có sự chênh lệch giữa tiền hội bị đơn nhận và tiền nguyên đơn yêu cầu trả. Vì vậy, việc cho rằng lời khai của nguyên đơn không nhất quán là không phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền hội bị đơn thực tế đã nhận là 207.000.000 đồng và tính tiền lãi theo lãi suất tối thiểu là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc chỉ buộc bị đơn trả tiền hội thực nhận và tính tiền lãi theo mức lãi suất tối thiểu nêu trên mà không tính theo số tiền hội chết phải trả là đã xem xét, đảm bảo quyền lợi cho phía bị đơn.

[2.4] Đối với việc đề nghị được trả nợ dần không thuộc thẩm quyền của Tòa án, các đương sự có quyền thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án.

[2.5] Đối với yêu cầu xác minh nhân chứng về việc “quấy rối” không làm thay đổi bản chất nghĩa vụ trả nợ đã được xác lập bằng văn bản nên không cần thiết phải xác minh.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ, khách quan và áp dụng đúng quy định pháp luật nên kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thu H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2025/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cà Mau.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thùy T, buộc bà Trần Thu H giao trả cho bà Trần Thùy T số tiền vốn 207.720.000 đồng và tiền lãi là 47.505.282 đồng, tổng số tiền 255.225.282 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thùy T, yêu cầu bà Trần Thu H giao trả số tiền 56.774.718 đồng.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Trần Thùy T phải nộp án phí số tiền 2.838.735 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 8.000.000đ theo biên lai thu số 0001316 ngày 09/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cà Mau nên được khấu trừ, bà T được nhận lại số tiền 5.161.265 đồng.

+ Bà Trần Thu H phải nộp án phí số tiền 12.761.264 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thu H phải nộp số tiền 300.000 đồng. Bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000683 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 8 - Cà Mau;
- VKSND khu vực 8 - Cà Mau;
- TAND khu vực 8 - Cà Mau;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA; THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Văn Định